

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2019/HS-ST
Ngày: 24/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoàn

Các Hội thẩm dân nhân: Ông Nguyễn Văn An.

Ông Nguyễn Đăng Thúy .

Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Thu Hường- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hằng– Kiểm sát viên.

Ngày 24/5/2019, tại Nhà văn hóa khu phố Lê Hồng Phong phường Đông Ngàn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2019/TLST-HS ngày 22/4/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2019/QĐXXST-HS ngày 10/5/2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình C, sinh năm 1990.

HKTT: thôn Ph, xã P, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Đình Đ, sinh 1963 và bà Nguyễn Thị L– sinh năm 1961;

Vợ, con: chưa có

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Năm 2016 bị Chủ tịch UBND xã Phù Chẩn ra quyết định xử lý hành chính bằng biện pháp giáo dục tại xã, thời hạn 03 tháng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị bắt tạm giam từ ngày 23/01/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Trọng L, sinh năm 1990.

HKTT: thôn Ph, xã P, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Trọng Á, sinh 1963 và bà Lê Thị Ng – sinh năm 1963;

Vợ: Nguyễn Thị M, sinh 1990;

Con: có 02 con, lớn sinh 2011, nhỏ sinh 2014

Tiền án: Tại bản án số 96/HSST ngày 27/4/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đến ngày 11/01/2017, L chấp hành xong hình phạt tù, đã chấp hành xong việc nộp án phí, nhưng đến nay vẫn chưa bồi thường cho người bị hại.

Tiền sự: không

Nhân thân:

+ tại bản án số 96/HSST ngày 20/7/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn xử phạt 16 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 11/10/2013, L chấp hành xong hình phạt tù và đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Năm 2015 bị Chủ tịch UBND xã Phù Chẩn ra quyết định xử lý hành chính bằng biện pháp giáo dục tại xã, thời hạn 03 tháng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị bắt tạm giam từ ngày 23/01/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: - Bà Nguyễn Thị N, sinh 1947 (vắng mặt)

HKTT: Thôn Rích Gạo, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Chị Hoàng Thị N, sinh 1991 (vắng mặt).

HKTT: thôn 12, xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Trú tại: Thôn Rích Gạo, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Văn H, sinh 1984 (vắng mặt)

TQ: Thôn Đại Thắng, xã Hoàng Lương, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trọng L và Nguyễn Đình C là bạn bè quen biết nhau. Do không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên L và C đã rủ nhau trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền ăn tiêu.

Khoảng 23 giờ 30' ngày 17/01/2019, L đi bộ đến nhà C rủ nhau đi chơi tại quán nét. Sau khi chơi điện tử trên đường đi, C rủ L “Vào xem chỗ nào có xe không thì lấy”. Ý của C là rủ L đi tìm xe mô tô để sơ hở thì trộm cắp. L đồng ý. L và C đi bộ quanh khu dân cư thuộc địa bàn xã Phù Chẩn, đến khoảng 03 giờ ngày 18/01/2019 thì đi đến trước cổng nhà bà Nguyễn Thị N, quan sát thấy trong sân nhà bà N dựng khoảng 10 chiếc xe mô tô và 01 xe máy điện. L đi đến trước cổng nhà bà N rút từ trong túi quần ra 01 chiếc nhíp bằng kim loại mang theo từ trước, một tay cầm ổ khóa, một tay cầm nhíp đưa vào ổ khóa thì thấy ổ khóa cửa cổng nhà bà N không khóa mà chỉ được móc vào chốt cổng. Thấy vậy, L bỏ ổ khóa ra và mở cổng, cùng C đi vào trong sân nhà. L tiến đến gần chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da Wave màu vàng- đen, biển kiểm soát: 21V1-3847 (của chị Nguyệt làm công nhân thuê trọ nhà bà N) dựng không khóa cổ, khóa càng dắt đi ra ngoài cổng, còn C đi đến chỗ dựng xe máy điện sơn màu đỏ nhãn hiệu

Momentum, BKS: MDD-012.31 của bà Nụ cũng không khóa cổ, khóa càng dắt đi ra chỗ L. C dùng chiếc kéo nhặt được ở sân nhà bà Nụ chọc vào ổ khóa xe điện nhưng không mở được nên bảo L mở hộ. L dùng chiếc khóa cắm cắm ở ổ khóa cổng nhà bà Nụ mở ổ khóa xe điện thì mở được. Sau đó, L lại dùng chiếc chìa khóa này mở ổ khóa xe mô tô trộm cắp được rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà C. Còn C cầm theo chiếc kéo điều khiển xe máy điện theo sau. Trên đường về L đã cầm chiếc nhíp bằng kim loại vút đi, ở vị trí nào đến nay không nhớ và C dùng tay bẻ chiếc BKS của xe máy điện vút ở cánh đồng còn chiếc kéo C vút ở đâu đến nay không nhớ. Khi về đến nhà C, L dùng cà lê của nhà C tháo BKS xe mô tô cho vào cốp xe, sau đó L cầm chiếc cà lê vút bỏ ở vị trí nào đến nay không nhớ.

Đến khoảng 04 giờ sáng ngày 18/01/2019, L liên lạc qua điện thoại với Trần Văn Hồng, mục đích bảo Hồng xuống gặp L để bán lại chiếc xe Honda Wave kể trên. L không nói cho Hồng biết nguồn gốc chiếc xe là do L và đồng bọn trộm cắp được mà có. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, L và Hồng gặp nhau tại khu vực Đền Đô, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, Hồng đồng ý mua chiếc xe này với giá 2.000.000đ. Trước khi giao xe cho anh Hồng, L đã lấy lại chiếc chìa khóa nhặt được trước đó tại nhà bà Nụ sau đó vút bỏ ở vị trí nào đến nay không nhớ. Số tiền bán xe một mình L sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Đối với C, sau khi trộm cắp được chiếc xe máy điện, đến khoảng 6 giờ sáng cùng ngày, C đã sử dụng điện thoại của mình gọi cho anh Nguyễn Trọng Tuấn người cùng thôn để gửi nhờ chiếc xe máy điện ở nhà anh Tuấn, được anh Tuấn đồng ý. C không nói cho anh Tuấn biết nguồn gốc chiếc xe máy điện là do C trộm cắp mà có. Đến ngày 23/01/2019, cơ quan điều tra đã thu hồi được chiếc xe máy điện trên.

Đối với anh Hồng sau khi mua được chiếc xe mô tô của L thì anh Hồng điều khiển xe đi đến địa phận thôn Đông, xã Đồng Tiến, huyện Yên Phong thì bị công an huyện Yên Phong kiểm tra, do anh Hồng không xuất trình được giấy tờ liên quan nên tổ công tác công an huyện Yên Phong đã tạm giữ chiếc xe nhãn hiệu Honda Wave, màu vàng đen, không gắn BKS, số máy C12E-2500641; số khung 120XAY00062, kèm theo một số giấy tờ tài sản trong cốp xe gồm: 01 chiếc BKS 21V9-3847; 01 ví da màu nâu; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe; 01 giấy biên nhận bán xe. Ngoài ra, anh Hồng còn tự nguyện giao nộp: 01 con dao gấp màu ghi đen; 01 thẻ ATM Vietcombank mang tên Lương Thị Nguyên; 01 chùm chìa khóa có 02 chìa; 2.190.000đ; 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen lắp sim số 0395612359; 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 màu xanh, lắp sim số 0981839084 và 01 vé xe số 94 của nhà xe Bệnh viện đa khoa Yên Phong.

Cùng ngày 18/01/2019 Cơ quan điều tra công an huyện Yên Phong đã tạm giữ 1 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu nâu, BKS: 20F7-9727 tại Bệnh viện đa khoa huyện Yên Phong.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐ ngày 22/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Từ Sơn, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn

hiệu Honda Wave của chị Nguyệt có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là 3.800.000đ; chiếc xe máy điện sơn màu đỏ của bà Nguyễn Thị Nụ có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là 3.400.000đ.

Với hành vi trên tại bản Cáo trạng số 76/CT-VKS ngày 22/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình C, Nguyễn Trọng L ra trước Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo C và L đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình như bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Nụ, chị Hoàng Thị Nguyệt, anh Trần Văn Hồng vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra họ đã có lời khai đầy đủ. Bà Nụ, chị Nguyệt đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu gì. Anh Hồng có yêu cầu được nhận lại số tiền 2.190.000đ và 02 chiếc điện thoại của anh bị công an thu giữ.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố giữ nguyên bản Cáo trạng số 76/CT-VKS ngày 22/4/2019. Sau khi đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình C, Nguyễn Trọng L phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm s khoản 1 điều 51, điểm h khoản 1 điều 52; điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Trọng L từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/01/2019.

Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm i, s khoản 1 điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Đình C từ 10 đến 13 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/01/2019.

Trách nhiệm dân sự: không xem xét giải quyết.

Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại anh Hồng 2.190.000đ; 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen, lắp sim số 0395612359; 01 điện thoại Nokia 1280 màu xanh, lắp sim số 098183908401; 01 con dao gập màu ghi đen; 01 chùm chìa khóa (có 02 chìa).

Tịch thu tiêu hủy 01 vé xe số 94 của nhà xe bệnh viện Đa khoa Yên Phong.

Truy thu số tiền 2.000.000đ bán xe trộm cắp của L vì là tiền do phạm tội mà có.

Trả lại cơ quan C sát điều tra Công an thị xã Từ Sơn 01 thẻ ATM Vietcombank mang tên Lương Thị Nguyên để tiếp tục điều tra làm rõ và sẽ xử lý sau.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Tại lời nói sau cùng trước khi HĐXX vào nghị án, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với đơn trình báo của người bị hại, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: vào khoảng 03 giờ sáng ngày 18/01/2019, Nguyễn Trọng L và Nguyễn Đình C đã lén lút đột nhập vào trong sân nhà bà Nụ tại thôn Rích Gạo, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy điện sơn màu đỏ, nhãn hiệu Momentum, BKS: MDD-012.31 của bà Nụ, trị giá 3.400.000đ và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu vàng đen, BKS: 21 V9 – 3847 của chị Nguyệt, trị giá 3.800.000đ. Tổng trị giá tài sản mà L và C trộm cắp là 7.200.000đ. Do vậy, VKSND thị xã Bắc Ninh đã truy tố bị cáo L và C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những gây thiệt hại về mặt vật chất cho người bị hại mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, tạo tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Xét thấy cần phải có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung với xã hội.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo là người có nhân thân xấu, là đối tượng thường sử dụng ma túy. Bị cáo L đã nhiều lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học để sửa chữa, tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Điều này chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, khó giáo dục, cải tạo. Bị cáo L và C đều đã bị Chủ tịch UBND xã Phù Chẩn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã do có hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Ngày 27/4/2016 bị cáo L bị Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, ra trại ngày 11/01/2017, bị cáo đã chấp hành xong việc nộp án phí HSST và DSST nhưng bị cáo chưa bồi thường cho người bị hại. Do vậy, bị cáo chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm”. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình 01 tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo C phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét về vai trò của các bị cáo thì thấy: Trước khi phạm tội, các bị cáo không có sự thỏa thuận, bàn bạc, phân công nhiệm vụ nên các bị cáo phạm tội không có tính tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo C là người đã rủ bị cáo L trộm cắp, cả hai bị cáo đều tích cực thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo L là người đã phá ổ khóa điện của xe mô tô và xe máy điện nên xác định vai trò của các bị cáo là ngang nhau.

Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn là có căn cứ và phù hợp, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới giúp các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 23/01/2019, Cơ quan điều tra Công an thị xã Từ Sơn đã trả lại cho chị Nguyệt: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave kèm theo BKS: 21V9-3847, 01 giấy biên nhận bán xe, 01 giấy bảo hiểm và 01 ví da màu nâu; trả bà Nụ 01 xe máy điện sơn màu đỏ. Chị Nguyệt, bà Nụ đều đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc BKS: 99MD2-012.31 của chiếc xe máy điện sơn màu đỏ, C đã bỏ và vứt ở ao sau nhà. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra không thu hồi được, bà Nụ không yêu cầu gì về chiếc BKS này nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tang vật vụ án: Đối với các tài sản đã thu giữ của anh Hồng gồm: 01 con dao gấp màu ghi đen; 01 chùm chìa khóa (có 02 chìa); 2.190.000đ; 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen, lắp sim số 0395612359; 01 điện thoại Nokia 1280 màu xanh, lắp sim số 0981839084. Qua điều tra xác minh số tài sản này không liên quan đến việc phạm tội và là tài sản của anh Hồng. Anh Hồng yêu cầu được nhận lại tài sản nên cần trả lại các tài sản này cho anh Hồng là đúng quy định pháp luật.

Đối với 01 thẻ ATM Vietcombank mang tên Lương Thị Nguyên, quá trình điều tra chưa lấy được lời khai của chị Nguyên nên cần giao lại cho cơ quan điều tra để xác minh làm rõ và sẽ xử lý sau là phù hợp pháp luật.

Đối với 01 vé xe số 94 của nhà xe bệnh viện Đa khoa Yên Phong không có giá trị sử dụng, đại diện nhà xe không yêu cầu nhận lại nên không đưa vào người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp pháp luật.

Đối với số tiền 2.000.000đ bán xe trộm cắp của bị cáo L cho anh Hồng, vì đây là tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu số tiền này để xung quỹ Nhà nước là phù hợp pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream màu nâu, BKS: 20F7-9727, số khung 0031D*001898, số máy: FMG*01001898 quá trình điều tra xác định trước đó anh Hồng mượn chiếc xe này của anh Nguyễn Văn Thơm, sinh 1987, trú tại: thôn Đại Thắng, xã Hoàng Lương, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Chiếc xe mang tên đăng ký Tôn Văn Nhất, sinh 1968, địa chỉ: Đồng Cỏ, Nam Hòa, Đồng Hỷ, Thái Nguyên, xe không có trong cơ sở xe dữ liệu vật chứng. Anh Thơm hiện không có mặt tại địa phương nên cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ chiếc xe trên để xác minh khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Liên quan đến vụ án có anh Trần Văn Hồng là người đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 21V9-3847 có nguồn gốc do L và C trộm cắp được mà có và anh Nguyễn Trọng Tuấn là người đã cho C gửi nhờ chiếc xe máy điện sơn màu đỏ cũng có nguồn gốc do L và C trộm cắp mà có. Quá trình điều tra xác định khi anh Hồng mua chiếc xe mô tô và anh Tuấn cho C gửi nhờ xe máy điện các anh đều không biết nguồn

gốc tài sản là do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý mà tiến hành giáo dục, nhắc nhở đối với anh Hồng và anh Tuấn là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng L và Nguyễn Đình C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Nguyễn Trọng L 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/01/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Nguyễn Đình C 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/01/2019.

Áp dụng điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tạm giam bị cáo Nguyễn Trọng L, Nguyễn Đình C mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại anh Trần Văn Hồng số tiền 2.190.000đ; 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen, lắp sim số 0395612359; 01 điện thoại Nokia 1280 màu xanh, lắp sim số 0981839084; 01 con dao gấp màu ghi đen; 01 chùm chìa khóa (có 02 chìa).

Tịch thu tiêu hủy 01 vé xe số 94;

Truy thu số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của bị cáo L sung quỹ Nhà nước.

Giao lại cho cơ quan C sát điều tra Công an thị xã Từ Sơn 01 thẻ ATM Vietcombank mang tên Lương Thị Nguyên để tạm giữ và xác minh làm rõ sẽ xử lý sau;

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Từ Sơn;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Hoàn

